

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 3 – 2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp
2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 59a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Văn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh P qua thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/7/2019.

Trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống làm mất tình cảm trong gia đình, chung sống không còn hòa hợp. Anh P ít quan tâm, lo lắng phụ tiền bạc để nuôi con chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/9/2019, hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Trần Văn P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy CMND tên Nguyễn Thị Hồng H (Bản photo).
- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Văn P (Bản photo).
- 01 Trích lục kết hôn Nguyễn Thị Hồng H – Trần Văn P (Bản sao).
- 01 Trích lục khai sinh tên Trần Thị Như Y (Bản sao).
- 01 Đơn xin xác nhận nơi cư trú (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Trần Văn P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn P là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn P là phù hợp theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/7/2019, do đó hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị H và anh P không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Văn P tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh P là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/9/2019. Hiện nay con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung. Do anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Bên cạnh đó, xét từ khi chị H, anh P sống xa nhau đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con chung; Anh P không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Như Y cần tiếp tục giao cháu Như Y cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh P không có ý kiến về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh P không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Nguyễn Thị Hồng H được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 18/9/2019. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Do chị H và anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ, anh Phương không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007137 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy chị Nguyễn Thị Hồng H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh

